TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 438/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01/11/2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Bình;

Ông Võ Hoàng Nghiệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 259/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019, về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình-Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 485/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 544/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị D**, sinh năm 1990; Cư trú: Số 50, khóm Mỹ Thanh, Phường 3, thị xã Ngã 5, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Bị đơn: Ông **Đặng Thanh S,** sinh năm 1988; Cư trú: Tổ 12, ấp Vĩnh Thuấn, xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Hồ Thị D trình bày: Quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Đặng Thanh S là tự tìm hiểu yêu thương nhau được gia đình hai bên chấp nhận nên đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2009 và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi bà sinh con thiếu thốn tiền bạc nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống không còn hạnh phúc nên bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2012 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn với ông S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Quốc H, sinh ngày 20/7/2010, hiện cháu đang sống với ông S. Sau khi ly hôn đồng ý giao cháu H để ông S tiếp tục nuôi dạy, bà xin không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà D có yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ông S đã được tống đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến tham gia phiên họp, không có ý kiến đối với việc bà D xin ly hôn.

Tại phiên tòa, bà D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Ông S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Qua nội dung vụ án cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Hồ Thị D được ly hôn với ông Đặng Thanh S.

Về con chung, đề nghị giao cháu H cho ông S được tiếp tục nuôi dạy sau khi ly hôn, do không ghi nhận được ý kiến ông S về việc cấp dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con chung nên nếu ông S có yêu cầu sẽ khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà D yêu cầu giải quyết ly hôn với ông S, ông S có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp Vĩnh Thuấn, xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình –Ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện An Phú.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà D và ông S có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Do quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân tính tình cả hai không hoà hợp, cuộc sống kinh tế khó khăn nên thường xuyên cự cãi, hai người không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến việc không còn chung sống từ năm 2012 cho đến nay. Thời gian không chung sống cả hai không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Kết quả xác minh của Tòa án về tình trạng hôn nhân của bà D và ông S thể hiện đời sống hôn nhân của hai người không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông S không đến tham gia phiên họp. Tại phiên toà ông S vắng mặt, bà D không đồng ý đoàn tụ. Điều này cho thấy hôn nhân của bà D và ông S đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà D là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Đặng Quốc H, sinh ngày 20/7/2010, hiện cháu H đang sống với ông S. Sau khi ly hôn bà D đồng ý giao cháu H để ông S tiếp tục nuôi dạy, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, cháu H hiện sống chung với ông S nên để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về tâm sinh lý của con chung, cần tiếp tục giao cháu H cho ông S nuôi dạy là phù hợp. Do không ghi nhận được ý kiến ông S về việc cấp dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con chung nên nếu ông S có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Ông S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do bà D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị D được ly hôn với ông Đặng Thanh S.

Về con chung: Ông S được nuôi con chung tên Đặng Quốc H, sinh ngày 20/7/2010 hiện đang sống với ông.

Bà D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông S cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67/HT ngày 29/7/2010 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bà Hồ Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo biên lai thu số TU/2016/0011400 ngày 03/7/2019 (bà D đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/11/2019) bà D có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng ông S thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh AG (1);*
- *VKS tỉnh AG (1);*
- *VKS huyện AP (2);*
- *THADS huyện AP (1);*
- *UBND xã Vĩnh Hậu,AP (1);*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu HS,VP (2);*

Nguyễn Quang Bảo